

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TỪ QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐƯA VIỆT NAM GIA NHẬP TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (1995 - 2007)

TS NGUYỄN THỊ THÙY

Trường Đại học Ngoại thương

Tháng 1-1995, Việt Nam chính thức gửi đơn xin gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, qua hơn 11 năm kiên trì đàm phán, ngày 1-1-2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức này. Từ quá trình Đảng lãnh đạo gia nhập WTO có thể đúc kết những bài học kinh nghiệm có giá trị.

Từ khóa: Một số kinh nghiệm; Việt Nam gia nhập; Tổ chức Thương mại thế giới.

1. Kiên định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế là vấn đề có tính nguyên tắc trong quá trình lãnh đạo gia nhập WTO

Giữ vững độc lập, tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác, hội nhập kinh tế quốc tế (KTQT) luôn là quan điểm xuyên suốt trong các văn kiện của Đảng từ khi Việt Nam nộp đơn xin gia nhập WTO. Đại hội VIII (1996) của Đảng đã chỉ rõ: Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển¹. Cụ thể hóa chủ trương trên, Đảng yêu cầu: cần xúc tiến việc tham gia vào APEC và WTO. Tiếp đó, HNTU² 4 khóa VIII (1997) của Đảng nêu quan điểm, trên cơ sở kiên trì đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, cần tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO.

Nghị quyết Đại hội IX (2001) và HNTU³ 9 khóa IX (2004) của Đảng tiếp tục chỉ rõ: quán triệt sâu sắc hơn quan điểm độc lập, tự chủ, trong đó nhấn mạnh việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập KTQT. Cụ thể hóa quan điểm trên, Đảng khẳng định: Chủ động và khẩn trương hơn trong hội nhập KTQT, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế đa phương và song phương, nước ta đã ký kết và chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm gia nhập WTO. Đại hội X (2006) của Đảng khẳng định: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất.

Từ nhận thức và quan điểm trên, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, giải pháp vừa đảm bảo giữ vững độc lập, tự chủ, vừa tích cực chuẩn bị các điều kiện và tiến

hành đàm phán để Việt Nam sớm gia nhập WTO. Về chủ trương, một trong các nguyên tắc chung được Đảng nêu lên là: Quán triệt tinh thần độc lập tự chủ, vận dụng linh hoạt sáng tạo mọi chủ trương, đường lối của Đảng để đạt được những hiệu quả kinh tế cao nhất, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết trong các mối quan hệ kinh tế đa phương và song phương. Trong chỉ đạo thực tiễn, trên cơ sở giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, Đảng và Nhà nước đã tiến hành các biện pháp như: Đề ra chương trình xây dựng luật pháp trong khuôn khổ đàm phán gia nhập WTO bằng việc ban hành, sửa đổi các luật và các loại văn bản dưới luật. Việc sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, bảo đảm cho hội nhập WTO có hiệu quả cũng được tích cực triển khai; việc đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập cũng được tăng cường. Đặc biệt, Đảng chỉ đạo Đoàn đàm phán tiến hành các vòng đàm phán đa phương và song phương một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, theo phương châm: “Chúng ta khẳng định quyết tâm hội nhập kinh tế quốc tế, gia nhập WTO, tuy nhiên phải có sự chuẩn bị tích cực về nhiều mặt, với bước đi phù hợp và cách làm khôn khéo, theo một lộ trình hợp lý; tránh khuynh hướng nóng vội muốn mở tung cửa nền kinh tế để hội nhập, vào WTO bằng bất cứ giá nào”². Quán triệt sự chỉ đạo của Đảng, Đoàn đàm phán đã thể hiện sự kiên định trong nguyên tắc nhưng linh hoạt, sáng tạo trong đối sách, từng bước vượt qua sức ép của các đối tác để đạt được những cam kết phù hợp với điều kiện của đất nước.

Tuy vậy, trong nhận thức và xử lý mối quan hệ giữa đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, hội nhập KTQT với bảo đảm độc lập tự chủ của Đảng trong hội nhập nói chung, gia nhập WTO nói riêng có những lúc còn chưa nhất quán. Từ đó dẫn đến có những lúc thì dè dặt, vì

lo sợ hội nhập sẽ đe dọa đến việc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng XHCN. Có những thời điểm nóng nảy chỉ nhìn thấy mặt tích cực của hội nhập mà không lường hết được những khó khăn, thách thức để có biện pháp vượt qua.

Kinh nghiệm lãnh đạo gia nhập WTO cho thấy, để bảo đảm độc lập tự chủ trong hội nhập KTQT: *Thứ nhất*, Đảng phải đề ra được đường lối hội nhập đúng đắn. Đường lối hội nhập đúng là đường lối đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong nước và thích ứng, phù hợp với đặc điểm, xu thế quốc tế đương đại. *Thứ hai*, xây dựng thực lực mạnh để quá trình hội nhập quốc tế mang lại hiệu quả cao, bền vững. *Thứ ba*, hội nhập quốc tế nói chung, tham gia các tổ chức kinh tế nói riêng phải vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì hòa bình, hợp tác và phát triển.

2. Kết hợp chặt chẽ đối ngoại song phương với đối ngoại đa phương, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình đàm phán gia nhập WTO

Từ giữa những năm 90, cùng với chủ trương đưa Việt Nam gia nhập WTO, việc tăng cường quan hệ với các nước và tổ chức quốc tế luôn được coi trọng. Tư tưởng chỉ đạo đó được hình thành xuất phát từ việc Đảng đã nhận thức sâu sắc rằng trong đàm phán gia nhập WTO, ngoài sự chuẩn bị các yếu tố trong nước; chủ động, tích cực trên bàn đàm phán còn cần phải tranh thủ thiện chí chính trị của các đối tác. Thiện chí đó chỉ có thể có được khi Việt Nam phát triển mạnh mẽ mối quan hệ song phương, tham gia vào các cơ chế đa phương kết hợp với tăng cường quan hệ với các tổ chức kinh tế-thương mại, từ đó tiếp tục nâng cao uy tín, vị thế của đất nước, tạo sự tin tưởng và thiện cảm từ các đối tác trên bàn đàm phán. Từ nhận thức trên, Nghị quyết Đại hội VIII (1996) của Đảng đã chỉ rõ: Hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước, các



Bộ trưởng Thương mại Trương Đình Tuyển và Tổng giám đốc WTO Pascal Lamy ký Nghị định thư gia nhập WTO của Việt Nam, ngày 7-11-2006.

tổ chức quốc tế và khu vực trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Một trong những nhiệm vụ cụ thể của hội nhập được Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (11-2001) xác định là: “Các hoạt động đối ngoại song phương và đa phương cần hướng mạnh vào việc phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế”³.

Những nhận thức và quan điểm trên của Đảng đã được quán triệt sâu sắc trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Từ năm 1996 trở đi, hoạt động đối ngoại song phương, đối ngoại đa phương với tăng cường quan hệ với các tổ chức kinh tế-thương mại được đẩy mạnh và luôn có sự kết hợp chặt chẽ. Việc tiếp tục coi trọng phát triển quan hệ kinh tế-thương mại với Trung Quốc và với các nước láng giềng không những tạo môi trường hoà bình thuận lợi cho công cuộc đổi mới, mà còn tạo chuyển biến tích cực cho quá trình

phát triển quan hệ Việt Nam với các nước khác và các tổ chức quốc tế. Đồng thời, những chuyển biến tích cực trong quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ từ giữa thập kỷ 90, đặc biệt là việc đàm phán ký kết BTA; cùng với kết quả phát triển quan hệ song phương với Nhật Bản, Hàn Quốc... đã tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam hội nhập Diễn đàn hợp tác Á-Âu (ASEM); Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC). Mặt khác, với tư cách là thành viên của ASEAN, ASEM, APEC đã giúp Việt Nam khẳng định được tầm vóc và vị thế của mình trong khu vực và quốc tế, tạo nền tảng cho đàm phán gia nhập WTO.

Tuy vậy, trong mở rộng quan hệ song phương, đặc biệt là quan hệ về kinh tế-thương mại, vẫn còn những hạn chế ảnh hưởng đến đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam. Cụ thể, trong quan hệ với Hoa Kỳ, sau khi ký kết Hiệp định Thương mại Việt-Mỹ (BTA), phía Việt Nam đã thi hành không đầy đủ những điều khoản trong BTA, điều

đó dẫn đến đàm phán với Hoa Kỳ về việc Việt Nam gia nhập WTO diễn ra chậm, khó khăn. Về đối ngoại đa phương, Việt Nam mới chủ yếu là gia nhập và tham gia các diễn đàn, các tổ chức, còn hạn chế trong đề xuất sáng kiến, ý tưởng. Do vậy, sự hỗ trợ từ vị thế là thành viên của các tổ chức, diễn đàn cho đàm phán gia nhập WTO chưa thật hiệu quả.

Để đối ngoại song phương và đa phương thực sự trở thành nền tảng vững chắc cho các cuộc đàm phán thương mại quốc tế, cần thực hiện tốt các yêu cầu: *Một là*, trong mỗi quan hệ song phương cần chủ động, tích cực phát huy các điểm tương đồng, có giải pháp phù hợp khắc phục những bất đồng nhằm thúc đẩy hợp tác để vừa bảo vệ được các lợi ích cơ bản của đất nước, vừa bảo đảm lợi ích chính đáng của các đối tác và lợi ích chung của khu vực và cộng đồng quốc tế. *Hai là*, trong đối ngoại đa phương phải chuyển mạnh từ tư duy “gia nhập và tham gia” sang tư duy “chủ động tham gia đóng góp xây dựng và định hình luật chơi chung”. *Ba là*, sự gắn kết giữa đối ngoại song phương với đối ngoại đa phương phải là thực chất, ngay từ đầu và trong suốt quá trình vận động, thương lượng, xây dựng luật chơi cũng như hoạt động hợp tác quốc tế.

3. Tích cực chuẩn bị “nội lực” kết hợp với tham khảo kinh nghiệm của các nước để tránh những “thua, thiệt” trong đàm phán gia nhập WTO

Khi đề ra chủ trương “đẩy mạnh hội nhập khu vực và quốc tế”, gia nhập WTO, Đảng luôn đề cao sức mạnh nội lực, coi nội lực là phương thức tốt nhất để đất nước ta giữ vững độc lập tự chủ. NQTU 4 khóa VIII (1997) của Đảng đã khẳng định quan điểm: trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài; tích cực, chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế. Trong

khí nêu chủ trương: chủ động hội nhập KTQT theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương, tiến tới gia nhập WTO, Đại hội IX (2001) của Đảng tiếp tục khẳng định: Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập KTQT để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững.

Chủ trương trên đã được Đảng quán triệt trong quá trình lãnh đạo Việt Nam gia nhập WTO. Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (2001) về hội nhập KTQT đã chỉ rõ: Gắn kết quá trình đàm phán gia nhập WTO với quá trình đổi mới mọi mặt hoạt động kinh tế ở trong nước. Một trong những nguyên tắc chỉ đạo đàm phán đa phương và song phương gia nhập WTO cũng được Đảng nêu lên là: Chủ động hội nhập KTQT theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng XHCN.

Trong chỉ đạo thực tiễn tiến trình hội nhập WTO của Việt Nam, việc chuẩn bị nội lực được Đảng coi là khâu then chốt, quyết định thành công của quá trình đàm phán gia nhập WTO. Do vậy, song song với quá trình đàm phán, Đảng chỉ đạo các bộ, ngành, các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm, của các doanh nghiệp và của toàn bộ nền kinh tế. Việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập sâu rộng vào thể chế kinh tế toàn cầu cũng được Đảng xác định là một trong những yếu tố để tăng thêm sức mạnh nội sinh cho đất nước. Trên thực tế, đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập, đặc biệt là các chuyên gia đàm phán đã đóng một vai trò đặc biệt quan trọng vào việc đưa nước ta trở thành thành viên chính thức của WTO.

Từ kinh nghiệm gia nhập WTO, để phát huy nội lực, đòi hỏi Việt Nam phải tích cực, chủ động thực hiện tốt một số vấn đề: *Thứ nhất*, chủ động

hội nhập quốc tế; tranh thủ môi trường hoà bình hữu nghị và hợp tác để thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế. *Thứ hai*, Đảng và Nhà nước phải có chính sách đúng để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế mở rộng sản xuất kinh doanh; được tiếp cận được các nguồn lực một cách bình đẳng. *Thứ ba*, cần đổi mới thể chế, xây dựng pháp luật để đáp ứng đòi hỏi của việc hình thành hành lang pháp lý nhất quán, thông thoáng, minh bạch, công khai, để dự báo, tạo môi trường thuận lợi hơn cho kinh doanh và đầu tư. *Thứ tư*, giữ vững ổn định về chính trị, xã hội; kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; củng cố quốc phòng-an ninh vững mạnh; xây dựng nguồn nhân lực đối ngoại chuyên nghiệp.

Cùng với tích cực chuẩn bị nội lực, Việt Nam đã tham khảo kinh nghiệm về hoạch định chính sách và đàm phán gia nhập WTO của nhiều nước, trong đó chú trọng những nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam như Trung Quốc, Campuchia...

Mỗi nước tùy theo điều kiện và đặc thù riêng đều có những chính sách và biện pháp khác nhau trong đàm phán gia nhập WTO. Tuy nhiên một số điểm chung mà các nước khi đàm phán gia nhập WTO đều tuân thủ, đã được rút ra là: Thống nhất nhận thức được tầm quan trọng của WTO, các nước này đều thừa nhận và cam kết thực hiện các nguyên tắc của WTO; triển khai có bài bản công tác quy hoạch chiến lược phát triển, hoạch định chính sách và kỹ thuật đàm phán thương lượng... Về đàm phán, các nước đều rất kiên trì, mềm dẻo, nhu cương đan xen, tích cực đáp ứng những yêu cầu của các nước thành viên WTO, kịp thời điều chỉnh lại cơ chế, chính sách quản lý kinh tế thương mại cho phù hợp với thông lệ quốc tế nhưng kiên trì theo đuổi mục đích riêng của mình; đối với những nước như Campuchia đã tận dụng

những ưu đãi của WTO dành cho các nước kém phát triển. Những hạn chế trong đàm phán gia nhập WTO của các nước cũng đã được Việt Nam nghiên cứu kỹ lưỡng để tránh được những bất lợi trong cam kết.

Để vận dụng thành công kinh nghiệm của các nước đi trước trong hội nhập, cần quán triệt một số vấn đề sau: *Thứ nhất*, nhận thức rõ không có một con đường vạch sẵn cho tất cả các nước để đàm phán gia nhập WTO được tiến hành nhanh và hiệu quả, song việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước để rút ra những nét chung nhất, qua đó thấy được những yêu cầu, khối lượng công việc phải làm, lộ trình và cách thức hội nhập để đạt được mục tiêu đề ra là vô cùng cần thiết. *Thứ hai*, kinh nghiệm hội nhập WTO của các nước rất phong phú, có giá trị tham khảo song không thể áp dụng máy móc, rập khuôn, giáo điều mà phải xuất phát từ điều kiện cụ thể và phải xuất phát từ lợi ích của đất nước. *Thứ ba*, mỗi nước khi tiến hành hội nhập WTO đều có những mục tiêu, lộ trình, cách thức riêng. Do vậy, cần tìm ra được những kinh nghiệm chung nhất, phổ biến nhất để vận dụng sao cho quá trình hội nhập đạt hiệu quả cao nhất.

4. Sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ban, ngành, doanh nghiệp và Đoàn đàm phán là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công của đàm phán gia nhập WTO

Trong đàm phán gia nhập WTO, vai trò của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành là vô cùng quan trọng. Nhận thức được vấn đề này, trong quá trình lãnh đạo Việt Nam gia nhập WTO, Đảng luôn yêu cầu các bộ, ban, ngành cần có sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, vừa để đáp ứng yêu cầu của các đối tác trên bàn đàm phán; vừa để chuẩn bị và hoàn thiện các điều kiện khi nước ta trở thành thành viên của WTO. Thực hiện chủ trương của

Đảng, Chính phủ đã thành lập Đoàn đàm phán bao gồm thành viên của hầu hết các bộ, ngành với mục đích bao quát tất cả các lĩnh vực kinh tế. Đối với cơ quan điều phối hoạt động của các bộ, ngành, Đảng khẳng định: Xây dựng cơ chế phối hợp và điều phối tập trung, thống nhất và có hiệu quả mọi hoạt động hội nhập kinh tế ở tầm quốc gia.

Thực hiện quan điểm của Đảng, trong quá trình đàm phán gia nhập WTO, Chính phủ và các bộ, ngành và Đoàn đàm phán đã có sự phối hợp trên nhiều lĩnh vực, cụ thể: Bộ Thương mại phối hợp với Bộ Tài chính và một số bộ, ngành liên quan xây dựng phương án đàm phán song phương gia nhập WTO. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Thương mại, Văn phòng Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm sửa đổi và xây dựng văn bản pháp quy và đề ra các bước trong chương trình xây dựng pháp luật của Việt Nam làm cho hệ thống pháp luật ngày càng phù hợp hơn với các quy định của WTO. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với các bộ, ngành hữu quan và Đoàn đàm phán xây dựng phương án đàm phán, thành lập tổ đàm phán liên bộ về nội dung sở hữu trí tuệ trong WTO... Trên thực tế, sự phối hợp có hiệu quả của các bộ, ban, ngành và Đoàn đàm phán đã tạo điều kiện cho Đoàn đàm phán có vị thế chủ động trong đàm phán và là nhân tố quan trọng dẫn đến thành công của hội nhập WTO.

Tuy vậy, sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành trong quá trình đàm phán gia nhập WTO đôi lúc còn lỏng lẻo, chông chéo, thậm chí mâu thuẫn làm ảnh hưởng đến kết quả của đàm phán. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành kinh tế với các bộ, ngành khác như ngoại giao, an ninh, quốc phòng và sự hiệp đồng của các cơ quan về tư tưởng, văn hóa, tuyên truyền, giáo dục... đôi khi còn thiếu nhịp nhàng và đồng bộ.

Để tạo sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng giữa các bộ, ban, ngành trong đàm phán, kinh nghiệm từ việc gia nhập WTO, cần quán triệt một số vấn đề sau: *Thứ nhất*, tạo cơ chế hữu hiệu nhằm phối hợp chặt chẽ các bộ, ban ngành hữu quan với các địa phương, giới doanh nghiệp để đàm phán gia nhập các tổ chức thương mại hoặc trong đàm phán các hiệp định thương mại song phương đem lại hiệu quả. *Thứ hai*, trong quá trình đàm phán có thể sẽ xuất hiện những mâu thuẫn về cách tiếp cận thị trường hoặc sự trùng lặp về chức năng giữa các bộ, ngành. Những mâu thuẫn đó phải được giải quyết thông qua đối thoại một cách dân chủ giữa các bộ, ngành liên quan. *Thứ ba*, cải tiến, đổi mới cơ chế thông tin, phối hợp liên ngành và giữa các bộ, ban, ngành với địa phương, doanh nghiệp, phù hợp với chuyển biến của tình hình quốc tế và đáp ứng nhu cầu mới của đất nước.

5. Kiên trì, tích cực và khôn khéo giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình đàm phán gia nhập WTO

Không giống như các cuộc đàm phán gia nhập các tổ chức quốc tế khác, đàm phán gia nhập WTO đối với tất cả các nước là đàm phán “một chiều”, theo ý nghĩa để được hưởng sự mở cửa thị trường áp dụng giữa các nước thành viên WTO. Nước xin gia nhập chỉ có thể đàm phán về những cam kết, những ưu đãi thương mại nước mình sẽ dành cho các đối tác, chứ không thể đòi hỏi sự ưu đãi gì từ các bên đối tác dành riêng cho mình. Đàm phán một chiều thường dẫn đến hệ quả như, nước xin gia nhập phải đối mặt với rất nhiều vấn đề khó khăn nảy sinh trong quá trình đàm phán đa phương và song phương và nhiều khi phải chấp nhận những yêu cầu vượt ra ngoài chuẩn mực của WTO.

Những vấn đề này sinh trong đàm phán đa phương gia nhập WTO mà Việt Nam phải vượt

qua là: *Thứ nhất*, Việt Nam đã được công nhận là nước đang phát triển theo tiêu chí của Liên hợp quốc. Vì là nước đang phát triển nên Việt Nam không được hưởng những quy định ưu đãi đặc biệt và khác biệt dành cho nước kém phát triển trong WTO. Do đó, yêu cầu đặt ra là Việt Nam phải đạt được thỏa thuận để được hưởng những ưu đãi cho các nước kém phát triển. *Thứ hai*, về vấn đề trợ cấp: Việt Nam phải cam kết xóa bỏ các trợ cấp mà WTO đã cấm, như trợ cấp liên quan đến tỷ lệ xuất khẩu, tỷ lệ nội địa hóa, trợ cấp liên quan đến hỗ trợ ngành dệt may... *Thứ ba*, địa vị nền kinh tế phi thị trường cũng là một vấn đề rất khó khăn trong đàm phán đa phương.

Nhận thức được những khó khăn trên, trong quan điểm chỉ đạo quá trình hội nhập, trong đó có hội nhập WTO, Đảng đã xác định rõ: “Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức, do đó cần tinh táo, khôn khéo và linh hoạt trong việc xử lý tính hai mặt của hội nhập tùy theo đối tượng, vấn đề, trường hợp, thời điểm cụ thể¹”. Quán triệt quan điểm của Đảng, Đoàn đàm phán đã kiên trì và tích cực, khôn khéo, linh hoạt giải quyết những vấn đề khó khăn nảy sinh trong đàm phán và đạt được kết quả quan trọng, như: các nước thừa nhận nền kinh tế Việt Nam “ở trình độ thấp” và đang trong quá trình chuyển đổi. Đây là một thành công quan trọng vì không có quá trình chuyển đổi thì Việt Nam phải mở cửa ngay sau khi gia nhập và không giữ được mức độ bảo hộ cần thiết đối với mặt hàng công nghiệp; đạt được thỏa thuận với một số nước như Hàn Quốc, Trung Quốc về địa vị nền kinh tế thị trường...

Kinh nghiệm giải quyết thành công các vấn đề nảy sinh trong đàm phán thương mại là phải thực hiện tốt những vấn đề như: có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt, như nắm rõ nhu cầu và thiện

chí của đối tác, nghiên cứu kỹ về thị trường từng khu vực, quốc gia, về chính sách thương mại, điểm mạnh, yếu và về thói quen, phong tục của các đối tác... để đưa ra phương án đàm phán tốt nhất, tránh bị bất ngờ và chủ động trong mọi tình huống trước khi tiến hành đàm phán; luôn kiên định với lợi ích của dân tộc, của quốc gia, kết hợp lợi ích của doanh nghiệp với lợi ích quốc gia trong đàm phán với các đối tác, kiên trì, bình tĩnh lắng nghe và phân tích kỹ càng mọi ý kiến từ đối tác; có những nhượng bộ khi cần thiết, vì lợi ích kinh tế đôi khi phải dựa trên nguyên tắc cùng thắng thì mới phát triển được, bởi dù các đối tác có thể rất thiện chí nhưng lợi ích dân tộc của họ nhiều lúc còn nặng hơn. Và do đó, việc thuyết phục phải dựa trên sự đánh đổi lợi ích nhất định.

Chủ trương của Đảng đưa Việt Nam gia nhập WTO, một tổ chức đa phương lớn nhất thế giới về kinh tế-thương mại, là một chủ trương đúng đắn đáp ứng yêu cầu của đất nước về hội nhập kinh tế và phù hợp với xu thế chung của thế giới.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb CTQG, H, 1996, tr 120

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb CTQG, H, 2004, tr 179

3, 4. Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27-11-2001, của Bộ Chính trị “Về hội nhập kinh tế quốc tế”, Tài liệu lưu tại Văn phòng Ủy ban quốc gia về Hội nhập kinh tế quốc tế, tr. 6, 4.